



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG**

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán	4
Các Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102459018 ngày 07 tháng 11 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 4 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 30/07/2010. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Giấy phép niêm yết số 64/GCN-SGDHN ngày 19/07/2010 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán VLA.

Vốn điều lệ : 10.800.000.000 đồng

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2011: 10.800.000.000 đồng

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Số 81 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: (84) 04.35121610
- Fax: (84) 04.35121611
- Email: info@vla.vn
- Website: vla.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất phần mềm quản lý trong các lĩnh vực: kế toán, quản lý sản xuất, quản lý nhân sự, phát hành, kho tàng, quản lý xuất bản, siêu thị;
- Xây dựng hệ thống Website về thông tin, quảng cáo, bán hàng trên mạng và các dịch vụ trên internet;
- Buôn bán máy tính, dịch vụ bảo trì hệ thống, đại lý cung cấp phần mềm;
- Đào tạo hướng nghiệp và dạy nghề điện tử, tin học, ngoại ngữ (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép);
- Quản trị doanh nghiệp và chuyển giao công nghệ điện tử, tin học, dịch vụ thương mại;
- Phát triển kinh doanh, đầu tư dự án;
- Tổ chức hội chợ triển lãm, hội nghị, hội thảo;
- Tư vấn cung cấp, giải pháp công nghệ điện tử và thông tin thị trường (trừ những thông tin Nhà nước cấm);
- Buôn bán bán thảo;
- Thiết kế đồ họa và các xuất bản phẩm ngành giáo dục;
- In và các dịch vụ liên quan đến in (theo quy định của pháp luật hiện hành);
- Kinh doanh đồ dùng thiết bị đại học, thiết bị văn phòng;
- Tổ chức hoạt động: sáng tác, phóng tác, chuyển thể, nghiên cứu, dịch thuật sách giáo dục;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Kinh doanh siêu thị;
- Kinh doanh bất động sản.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ tài chính là 24 người. Trong đó nhân viên quản lý là 5 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Ông Nguyễn Thanh Tùng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27/02/2009
• Ông Lê Hoài Thanh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27/02/2009
• Ông Đặng Việt Mạnh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27/02/2009
• Ông Lê Thành Anh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 15/01/2010
• Ông Vũ Trung Chính	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 15/01/2010

Ban Kiểm soát

• Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 15/01/2010
• Ông Phạm Tuấn Anh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 15/01/2010
• Ông Trần Công Thanh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 15/01/2010

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Vũ Trung Chính	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04/11/2009
• Bà Hoàng Thị Xuân Hòa	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 19/12/2007

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính 217 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Thay mặt Ban Giám đốc



Kiểm Trung Chính

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2011



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA POLARIS INTERNATIONAL

Trụ sở chính
217 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 5 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 1033/BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 8 năm 2011

BÁO CÁO SOÁT XÉT

Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các Cổ đông
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011 được lập ngày 15/07/2011 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 23. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến nhận xét về các Báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét các báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng liệu các báo cáo tài chính có chứa đựng những sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với các nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính; công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến nhận xét của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi đưa ra ý kiến rằng các Báo cáo tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2011, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chúng tôi xin lưu ý rằng: Các số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán đã được kiểm toán và các số liệu so sánh tại Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ đã được soát xét bởi Công ty kiểm toán khác. Trong báo cáo kiểm toán phát hành ngày 20/01/2011 và báo cáo soát xét bán niên năm 2010 phát hành ngày 16/7/2010, các kiểm toán viên tiền nhiệm đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần. Bên cạnh đó, một số số liệu trên các báo cáo này đã được điều chỉnh hồi tố (Thuyết minh số 5 trang 13-14).



Chứng chỉ KTV số Đ.0102/KTV

Trần Thị Nở
Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 1135/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 30 tháng 06 năm 2011

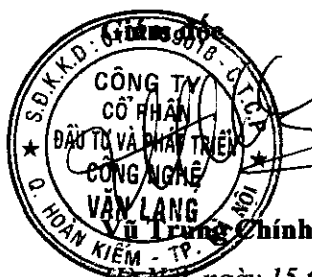
Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		11.997.558.638	14.470.146.441
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	1.429.368.354	1.985.134.383
1. Tiền	111		129.368.354	85.134.383
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.300.000.000	1.900.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		9.410.500.000	4.012.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	7	11.021.979.518	5.021.979.518
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	8	(1.611.479.518)	(1.009.979.518)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.135.190.284	8.398.656.220
1. Phải thu khách hàng	131		1.122.581.357	741.929.977
2. Trả trước cho người bán	132		2.731.146	7.656.726.243
3. Các khoản phải thu khác	135	9	9.877.781	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		22.500.000	74.355.838
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	7.500.000	-
2. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		-	13.355.838
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	11	15.000.000	61.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.355.955.075	373.420.981
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		194.200.075	373.420.981
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	194.200.075	373.420.981
- Nguyên giá	222		861.775.063	832.511.426
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(667.574.988)	(459.090.445)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240	13	2.161.755.000	-
- Nguyên giá	241		2.161.755.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		14.353.513.713	14.843.567.422

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.190.733.306	1.549.669.997
I. Nợ ngắn hạn	310		1.190.733.306	1.549.669.997
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	500.000.000
2. Phải trả người bán	312		168.517.301	391.274.304
3. Người mua trả tiền trước	313		10.000.000	57.555.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	284.457.791	97.816.699
5. Phải trả người lao động	315		494.524.843	139.943.475
6. Chi phí phải trả	316		-	18.333.333
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	55.907.202	64.802.459
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		177.326.169	279.944.727
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		13.162.780.407	13.293.897.425
I. Vốn chủ sở hữu	410		13.162.780.407	13.293.897.425
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	16	10.800.000.000	10.800.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	16	208.687.955	208.687.955
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	16	242.692.655	242.692.655
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	16	1.911.399.797	2.042.516.815
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		14.353.513.713	14.843.567.422



Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2011

Kế toán trưởng

um

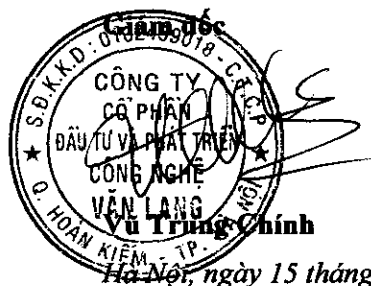
Hoàng Thị Xuân Hòa

Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	4.054.900.906	4.281.842.984
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10		4.054.900.906	4.281.842.984
4. Giá vốn hàng bán	11	18	1.881.066.603	2.280.254.168
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CC dịch vụ	20		2.173.834.303	2.001.588.816
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	316.620.193	291.062.031
7. Chi phí tài chính	22	20	662.411.077	72.916.666
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		60.911.077	72.916.666
8. Chi phí bán hàng	24		125.781.313	68.373.182
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		717.670.681	486.121.933
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		984.591.425	1.665.239.066
11. Thu nhập khác	31	21	1.049.280.000	909.090
12. Chi phí khác	32	22	-	8.438.307
13. Lợi nhuận khác	40		1.049.280.000	(7.529.217)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	23	2.033.871.425	1.657.709.849
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	259.557.001	121.062.378
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	23	1.774.314.424	1.536.647.471
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	1.643	1.423



Kế toán trưởng

Người lập biểu

Handwritten signature

Hoàng Thị Xuân Hòa

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

TT	Chi tiêu	Mã số	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	3.661.902.444	3.503.547.836
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(1.199.851.447)	(5.674.250.676)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.258.024.901)	(1.047.254.700)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04	(60.911.077)	(72.916.666)
5.	Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(3.628.459)	(83.214.076)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	8.700.000.000	215.440.000
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(280.050.000)	(420.171.765)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9.559.436.560	(3.578.820.047)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(2.193.945.001)	(7.729.869.091)
2.	Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		909.090
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(19.600.000.000)	(2.000.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	13.600.000.000	7.000.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	306.742.412	266.416.461
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.887.202.589)	(2.462.543.540)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.700.000.000	3.500.000.000
2.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.200.000.000)	
3.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.728.000.000)	
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.228.000.000)	3.500.000.000
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(555.766.029)	(2.541.363.587)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.985.134.383	3.376.696.999
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.429.368.354	835.333.412



Vũ Trung Chính

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2011

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Xuân Hòa

Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102459018 ngày 07 tháng 11 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 4 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 30/07/2010. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Giấy phép niêm yết số 64/GCN-SGDHN ngày 19/07/2010 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán VLA.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất phần mềm quản lý trong các lĩnh vực: kế toán, quản lý sản xuất, quản lý nhân sự, phát hành, kho tàng, quản lý xuất bán, siêu thị;
- Xây dựng hệ thống Website về thông tin, quảng cáo, bán hàng trên mạng và các dịch vụ trên internet;
- Buôn bán máy tính, dịch vụ bảo trì hệ thống, đại lý cung cấp phần mềm;
- Đào tạo hướng nghiệp và dạy nghề điện tử, tin học, ngoại ngữ (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép);
- Quản trị doanh nghiệp và chuyển giao công nghệ điện tử, tin học, dịch vụ thương mại;
- Phát triển kinh doanh, đầu tư dự án;
- Tổ chức hội chợ triển lãm, hội nghị, hội thảo;
- Tư vấn cung cấp, giải pháp công nghệ điện tử và thông tin thị trường (trừ những thông tin Nhà nước cấm);
- Buôn bán bàn thảo;
- Thiết kế đồ họa và các xuất bản phẩm ngành giáo dục;
- In và các dịch vụ liên quan đến in (theo quy định của pháp luật hiện hành);
- Kinh doanh đồ dùng thiết bị đại học, thiết bị văn phòng;
- Tổ chức hoạt động: sáng tác, phóng tác, chuyển thể, nghiên cứu, dịch thuật sách giáo dục;
- Kinh doanh siêu thị;
- Kinh doanh bất động sản.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5

4.6 Bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá của bất động sản đầu tư nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng phù hợp với thời hạn của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4.7 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.9 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho khoảng thời gian người lao động làm việc tại Công ty tính đến thời điểm 31/12/2008. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là từ 1% đến 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm được Công ty trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

4.10 Chi phí vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.11 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế sau khi trích lập các quỹ được chia cho các cổ đông theo quyết định của Đại hội Cổ đông.

4.12 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.14 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế Giá trị gia tăng:
 - ✓ Hoạt động cung cấp sản phẩm phần mềm, dịch vụ phần mềm thuộc đối tượng không chịu thuế.
 - ✓ Hoạt động kinh doanh thiết bị và các hoạt động khác áp dụng mức thuế suất 10%.

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%.

Riêng đối với hoạt động sản xuất phần mềm, cung cấp dịch vụ phần mềm Công ty áp dụng tại mức thuế suất là 10% trong thời hạn là 15 năm kể từ khi đi vào hoạt động kinh doanh (từ năm 2008). Công ty được miễn thuế trong 04 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Năm tài chính 2008 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế trong lĩnh vực hoạt động này, do đó Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm (2008-2011) và giảm trong 9 năm tiếp theo (2012-2020).

(Những ưu đãi về thuế Thu nhập doanh nghiệp trên đây được quy định trong Thông tư 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Chính Phủ về Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp và Công văn trả lời số 3054/CT-HTr ngày 10/03/2008 của Cục thuế Thành phố Hà Nội về việc ưu đãi thuế TNDN)

- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Điều chỉnh hồi tố

Bảng cân đối kế toán	Số liệu tại ngày		Số liệu tại ngày		Chênh lệch	Ghi chú
	Mã số	31/12/2010	31/12/2010			
		VND	(Hồi tố) VND	VND		
Trả trước cho người bán	132	6.006.243	7.656.726.243	7.650.720.000	(1)	
Bất động sản đầu tư	240	7.650.720.000	-	(7.650.720.000)	(1)	
- Nguyên giá	241	7.650.720.000	-	(7.650.720.000)	(1)	
- Giá trị hao mòn lũy kế	242	-	-	-		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	Mã số	Số liệu 6 tháng đầu năm 2010	Số liệu 6 tháng đầu năm 2010	Chênh lệch	Ghi chú
		VND	(Hồi tố) VND	VND	
Tiền thu từ bán hàng, CCDV và d.thu khác	01	3.697.957.129	3.503.547.836	(194.409.293)	(2)
Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(1.674.250.676)	(5.674.250.676)	(4.000.000.000)	(3)
Lưu chuyển tiền thuần từ h.động KD	20	615.589.246	(3.578.820.047)	(4.194.409.293)	(5)
Tiền chi cho vay, mua CC nợ của đ.vị khác	23	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)	(4)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại CC nợ của đ.vị khác	24	-	7.000.000.000	7.000.000.000	(3)
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đ.vị khác	25	(2.000.000.000)	-	2.000.000.000	(4)
Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đ.vị khác	26	2.994.960.570	-	(2.994.960.570)	(2) (3)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27	77.046.598	266.416.461	189.369.863	(2)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6.656.952.833)	(2.462.543.540)	4.194.409.293	(5)

- (1) Khoản mục “Trả trước cho người bán” tăng 7.650.720.000 đồng, đồng thời “Nguyên giá bất động sản đầu tư” giảm đi số tiền tương ứng do đây là khoản tiền ứng trước cho người bán để được chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại xóm 2, Thôn Mễ Trì Thượng, Xã Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội với mục đích chờ tăng giá để bán. Tại ngày 31/12/2010, các bên chưa hoàn tất thủ tục pháp lý để chuyển tài sản sang tên Công ty.
- (2) “Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác” giảm 194.409.293 đồng là do:
- “Tiền thu lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia” tăng 189.369.863 đồng, “Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác” giảm tương ứng do đây là khoản lãi cho vay đã thu được trong 6 tháng đầu năm 2010 bằng cách bù trừ công nợ phải thu khách hàng.
 - Điều chỉnh tăng “tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác” đồng thời giảm “tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác” 5.039.430 đồng do thống kê nhầm.
- (3) “Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác” tăng 7.000.000.000 đồng dẫn đến các khoản mục khác biến động như sau:
- “Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác” giảm 3.000.000.000 đồng. Công ty không phát sinh hoạt động đầu tư vốn mà thực hiện thu hồi 3.000.000.000 đồng tiền cho vay ngắn hạn trước đó.
 - Tiền gốc cho vay ngắn hạn còn lại (4.000.000.000 đồng) được bù trừ công nợ với hợp đồng ủy thác đầu tư chứng khoán làm tăng mục “Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ” tương ứng (Đầu tư vì mục đích thương mại).
- (4) “Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác” tăng 2.000.000.000 đồng, đồng thời “tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác” giảm đi tương ứng là do trong 6 tháng đầu năm 2010 Công ty đã chuyển tiền gửi ngân hàng cho Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Thiên Hoá vay ngắn hạn. Công ty không có hoạt động đầu tư, góp vốn trong giai đoạn này.
- (5) Tổng hợp các biến động trên làm chỉ tiêu “Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh” giảm 4.194.409.293 đồng và chỉ tiêu “Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư” tăng tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền mặt	20.578.374	7.399.515
Tiền gửi ngân hàng	108.789.980	77.734.868
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi tiết kiệm dưới 3 tháng)	1.300.000.000	1.900.000.000
Cộng	1.429.368.354	1.985.134.383

7. Đầu tư ngắn hạn

		30/06/2011		31/12/2010
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn		5.021.979.518		5.021.979.518
Cty CP ĐT & PT GD Phương Nam (SED)	200.000	2.840.000.000	200.000	2.840.000.000
Cty CP Nhiệt điện Ninh Bình (NBP)	5.000	181.979.518	5.000	181.979.518
Cty CP Sách & TBTH Hà Tây (HEET)	125.000	2.000.000.000	125.000	2.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác (Tiền gửi có kỳ hạn)		6.000.000.000		
Cộng		11.021.979.518		5.021.979.518

8. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Cơ sở trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn là mức chênh lệch giữa giá gốc và giá giao dịch bình quân (đối với cổ phiếu đã niêm yết tại HNX) hoặc giá đóng cửa (đối với cổ phiếu đã niêm yết tại HOSE) của các cổ phiếu này tại ngày 30/06/2011 với số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ. Cụ thể như sau:

Mã Cổ phiếu	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị ghi sổ VND	Đơn giá sổ sách VND/CP	Thị giá VND/CP	Giá trị thị trường VND	Dự phòng VND
SED	200.000	2.840.000.000	14.200	6.600	1.320.000.000	1.520.000.000
NBP	5.000	181.979.518	36.396	18.100	90.500.000	91.479.518
		3.021.979.518			1.410.500.000	1.611.479.518

Riêng Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây chưa niêm yết tại các Sở giao dịch. Công ty không có nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây và cũng không nhận được Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2011 của Công ty này. Do đó, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây được ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

9. Các khoản phải thu khác

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Lãi dự thu	9.877.781	-
Phải thu khác		-
Cộng	9.877.781	-

10. Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Chi phí thuê bảo vệ	7.500.000	-
Cộng	7.500.000	-

11. Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Tạm ứng	15.000.000	61.000.000
Cộng	15.000.000	61.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	832.511.426		832.511.426
Tăng trong kỳ	29.263.637		29.263.637
Giảm trong kỳ			-
Số cuối kỳ	861.775.063	-	861.775.063
Khấu hao			
Số đầu năm	459.090.445		459.090.445
Tăng trong kỳ	208.484.543		208.484.543
Giảm trong kỳ			-
Số cuối kỳ	667.574.988	-	667.574.988
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	373.420.981	-	373.420.981
Số cuối kỳ	194.200.075	-	194.200.075

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2011: 161.109.770 đồng.

13. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất lâu dài VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số đầu năm		-
Tăng trong kỳ	2.161.755.000	2.161.755.000
Giảm trong kỳ		-
Số cuối năm	2.161.755.000	2.161.755.000
Khấu hao		
Số đầu năm		-
Tăng trong kỳ		-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối năm	-	-
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	-	-
Số cuối kỳ	2.161.755.000	2.161.755.000

Bất động sản đầu tư tăng trong kỳ là quyền sử dụng đất lâu dài tại Lô X1 khu biệt thự Đảo xanh, Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng	11.086.451	58.435.601
Thuế thu nhập doanh nghiệp	242.572.704	-
Thuế thu nhập cá nhân	30.798.636	39.381.098
Cộng	284.457.791	97.816.699

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Kinh phí công đoàn	27.115.032	33.676.236
Bảo hiểm thất nghiệp		6.486.787
Các khoản phải trả, phải nộp khác	28.792.170	24.639.436
Cộng	55.907.202	64.802.459

16. Vốn chủ sở hữu

a. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	LN sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2010	10.800.000.000	86.389.930	120.394.630	208.046.448
Tăng trong năm		122.298.025	122.298.025	2.445.960.492
Giảm trong năm				611.490.125
Số dư tại 31/12/2010	10.800.000.000	208.687.955	242.692.655	2.042.516.815
Số dư tại 01/01/2011	10.800.000.000	208.687.955	242.692.655	2.042.516.815
Tăng trong kỳ				1.774.314.424
Giảm trong kỳ				1.905.431.442
Số dư tại 30/06/2011	10.800.000.000	208.687.955	242.692.655	1.911.399.797

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	1.080.000.000	1.080.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Thiên Hóa	2.064.000.000	2.064.000.000
Các cổ đông khác	7.656.000.000	7.656.000.000
Cộng	10.800.000.000	10.800.000.000

c. Cổ phiếu

	30/06/2011 Cổ phiếu	31/12/2010 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.080.000	1.080.000
- Cổ phiếu thường	1.080.000	1.080.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	1.080.000	1.080.000
- Cổ phiếu thường	1.080.000	1.080.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.080.000	1.080.000
- Cổ phiếu thường	1.080.000	1.080.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	2.042.516.815	208.046.448
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.774.314.424	2.445.960.492
Các khoản giảm lợi nhuận sau thuế	1.905.431.442	611.490.125
Phân phối lợi nhuận năm trước	1.728.000.000	-
- Chi trả cổ tức (i)	1.728.000.000	
Phân phối lợi nhuận kỳ này	177.431.442	611.490.125
- Quỹ đầu tư phát triển		122.298.025
- Quỹ dự phòng tài chính		122.298.025
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)	177.431.442	244.596.050
- Quỹ khen thưởng Ban điều hành		122.298.025
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.911.399.797	2.042.516.815

(i) Trả cổ tức theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26/02/2011

(ii) Tạm trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi theo tinh thần của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26/02/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

17. Doanh thu

	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thiết bị	352.078.179	1.410.360.805
Doanh thu cung cấp phần mềm, dịch vụ tin học	3.702.822.727	2.871.482.179
Trong đó: Doanh thu cung cấp phần mềm, d.vụ phần mềm	2.633.630.000	2.226.964.000
Cộng	4.054.900.906	4.281.842.984

18. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
Giá vốn bán hàng hóa, thiết bị	275.935.821	1.138.360.440
Giá vốn cung cấp phần mềm, dịch vụ tin học	1.605.130.782	1.141.893.728
Trong đó: Giá vốn của phần mềm, d.vụ phần mềm	1.090.170.362	719.870.219
Cộng	1.881.066.603	2.280.254.168

19. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	316.620.193	228.652.572
Lãi đầu tư cổ phiếu		24.645.570
Cổ tức, lợi nhuận được chia		37.763.889
Cộng	316.620.193	291.062.031

20. Chi phí hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
Lãi tiền vay	60.911.077	72.916.666
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	601.500.000	
Cộng	662.411.077	72.916.666

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

21. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
Thu thanh lý TSCĐ		909.090
Thu bồi thường vi phạm hợp đồng	1.049.280.000	
Cộng	1.049.280.000	909.090

22. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
Chi phí khác		8.438.307
Cộng	-	8.438.307

23. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.033.871.425	1.657.709.849
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm TN chịu thuế TNDN	-	(37.763.889)
- Các khoản điều chỉnh tăng LN chịu thuế TNDN	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm LN chịu thuế TNDN	-	37.763.889
+ Cổ tức nhận được		37.763.889
Tổng thu nhập chịu thuế	2.033.871.425	1.619.945.960
- Trong đó: Thu nhập chịu thuế được ưu đãi (10%)	995.643.421	1.135.696.448
Thu nhập khác không được ưu đãi thuế (25%)	1.038.228.004	484.249.512
Thuế thu nhập doanh nghiệp	359.121.343	161.994.596
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm (10%)	99.564.342	113.569.645
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	259.557.001	121.062.378
Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.774.314.424	1.536.647.471

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.774.314.424	1.536.647.471
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
+ LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	1.774.314.424	1.536.647.471
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.080.000	1.080.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.643	1.423

25. Cổ tức

Thực hiện Nghị quyết số 006/2011/NQ-ĐHĐCĐ-VLA ngày 26/02/2011 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011, Công ty đã chia cổ tức của năm 2010 với tỷ lệ 16%/Vốn điều lệ (tương ứng 1.728.000.000 đồng).

26. Thông tin với các bên liên quan

a. Thông tin về các bên liên quan

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Tp Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư Tài chính Thiên Hóa	Công ty đầu tư

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ

<u>Tên Công ty</u>	<u>Nội dung giao dịch</u>	6 tháng đầu năm 2011 VND
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Bán hàng	2.220.790.909
	Cho vay ngắn hạn	1.000.000.000
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Bán hàng	178.689.090
	Mua hàng	17.667.419
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Tp Hồ Chí Minh	Bán hàng	90.000.000
Công ty CP Đầu tư Tài chính Thiên Hóa	Cho vay ngắn hạn	5.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

c. Tại ngày 30/06/2011 số dư với các bên liên quan như sau

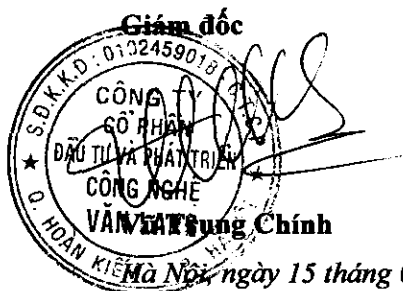
		30/06/2011 VND
Đầu tư ngắn hạn		
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Nợ gốc cho vay ngắn hạn	1.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Tài chính Thiên Hóa	Nợ gốc cho vay ngắn hạn	5.000.000.000
Phải thu khách hàng		
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam		589.171.000
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội		35.496.839
Công ty CP Đầu tư Tài chính Thiên Hóa		122.491.111

27. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

28. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010. Các Báo cáo này đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty kiểm toán khác.



Kế toán trưởng

Hoàng Thị Xuân Hòa

Người lập biểu

